VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 462/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030;

Theo Báo cáo thẩm định số 30/BC-HĐTĐNVLQHV ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1950/TTr-BKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

1. Tên quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch, thời kỳ quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: Lập cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi ranh giới quy hoạch

Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính đất liền và không gian biển của thành phố Đà Nẵng và 13 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.

- Phía Bắc giáp vùng đồng bằng sông Hồng;

- Phía Nam giáp vùng Đông Nam Bộ;

- Phía Tây giáp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Tây Nguyên;

- Phía Đông giáp biển Đông.

Có tọa độ địa lý kéo dài từ 10035' đến 21°30' vĩ độ Bắc và từ 103°55' đến 109025' kinh độ Đông.

Phạm vi nghiên cứu của quy hoạch về mặt không gian được mở rộng đến các khu vực có ảnh hưởng và tác động đến vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung về các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường, an ninh - quốc phòng, liên kết vùng và hợp tác quốc tế.

2. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

a) Quan điểm lập quy hoạch

- Việc lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội đất nước thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 của cả nước, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Lập quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung theo hướng bảo đảm khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong vùng trên cơ sở kết nối các tỉnh, thành phố;

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội, môi trường với bảo đảm quốc phòng an ninh, củng cố vững chắc an ninh nội địa, bảo đảm công tác phòng thủ tuyến biên giới trên đất liền và trên biển;

- Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ vùng hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên của vùng;

- Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng dân cư. Quá trình lập quy hoạch cần kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững của người dân.

b) Mục tiêu lập quy hoạch

- Là công cụ quản lý của nhà nước trong việc điều hành phát triển kinh tế - xã hội, nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực để hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển;

- Cụ thể hóa phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp kinh tế - xã hội đối với vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung được đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 là: "Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng - an ninh trên biển, nhất là đánh bắt và nuôi trồng hải sản xa bờ. Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp lọc hóa dầu, luyện kim, sản xuất, lắp ráp ô tô. Phát triển nhanh, đồng bộ năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tăng cường liên kết vùng, tiếp tục hình thành, phát triển hệ thống đô thị ven biển, các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế Đông - Tây; phát triển các cảng biển và dịch vụ cảng biển, hạ tầng và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá. Nâng cao năng lực phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại của thiên tai, bão lũ, hạn hán; chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chống sa mạc hóa, sạt lở bờ sông, bờ biển";

- Cụ thể hóa phương hướng tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên phạm vi lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung được đề ra trong các quy hoạch cấp quốc gia; làm căn cứ và định hướng để lập quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, nông thôn trên phạm vi lãnh thổ vùng nhằm bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch;

- Đề xuất các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp đẩy nhanh việc thực hiện các đột phá chiến lược nhằm phát huy tối đa lợi thế so sánh về vị trí địa kinh tế của vùng, hội nhập quốc tế sâu rộng, tạo môi trường và động lực để các địa phương trong vùng phát triển theo định hướng phát triển của quốc gia;

- Phát triển có trọng tâm, trọng điểm việc xây dựng hệ thống đô thị ven biển của vùng trở thành các trung tâm kinh tế trên địa bàn vùng, là các hạt nhân lan tỏa thúc đẩy phát triển kinh tế của cả vùng và các vùng lân cận.

c) Nguyên tắc lập quy hoạch

Việc lập quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tuân thủ các nguyên tắc chủ yếu sau:

- Bảo đảm tuân thủ các quy định về quy trình, nội dung, nguyên tắc lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

- Bảo đảm tính khả thi trong triển khai, phù hợp với khả năng huy động các nguồn lực trong giai đoạn 2021 - 2025; 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng;

- Bảo đảm có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan trong lập và triển khai thực hiện quy hoạch; lấy ý kiến rộng rãi của các tầng lớp, thành phần xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng có liên quan tới phát triển vùng.

3. Phương pháp tiếp cận và yêu cầu đối với phương pháp lập quy hoạch

a) Phương pháp tiếp cận lập quy hoạch

Việc lập quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung được thực hiện dựa trên các phương pháp tiếp cận sau:

- Cách tiếp cận tổng thể, hệ thống, trong đó xem vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là một bộ phận của tổng thể phát triển quốc gia; các tiểu vùng, địa phương trong vùng là một bộ phận của tổng thể phát triển vùng; các yếu tố, điều kiện về kinh tế, xã hội và môi trường trên lãnh thổ vùng phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau;

- Cách tiếp cận chiến lược trong quy hoạch vùng cần tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm, mang tính chiến lược đối với sự phát triển dài hạn thông qua lựa chọn các bước đi và định hướng ưu tiên phát triển của vùng trong từng giai đoạn phù hợp với khả năng huy động nguồn lực;

- Cách tiếp cận từ tiềm năng, lợi thế (bao gồm cả lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh) phải được phân tích, đánh giá trên cơ sở phát huy các thế mạnh, đặc điểm riêng của vùng về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, trình độ ứng dụng khoa học - công nghệ, bản sắc văn hóa... để xác định mục tiêu, phương hướng phát triển vùng; kết hợp

giữa các tiềm năng, lợi thế của quốc gia, vùng với điều kiện của các tỉnh, thành phố trong vùng, qua đó, huy động hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội;

- Cách tiếp cận dựa trên không gian phải được xem xét, đánh giá toàn diện các tác động của các phương án phát triển để đưa ra các giải pháp phù hợp, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cân bằng của toàn vùng, giữa các tiểu vùng và các địa phương trong vùng;

- Cách tiếp cận tích hợp đa ngành nhằm bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất giữa các ngành, lĩnh vực, hạn chế sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các ngành; nâng cao hiệu quả tổng thể dựa trên sự phát triển tương hỗ giữa các ngành, lĩnh vực;

- Cách tiếp cận đa chiều, từ trên xuống, từ dưới lên, có sự tham gia của nhiều bên (cơ quan quản lý nhà nước ở cấp trung ương và địa phương, viện nghiên cứu, nhà khoa học, nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư...) nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, minh bạch của quá trình lập, triển khai và giám sát thực hiện quy hoạch, cũng như hướng tới mục tiêu phát triển bao trùm và bền vững;

- Cách tiếp cận dựa trên nguyên tắc thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó phối kết hợp hài hòa giữa các cơ chế chính sách và công cụ quản lý của nhà nước với cơ chế thị trường trong việc hoạch định phương hướng, giải pháp phát triển;

- Cách tiếp cận dựa trên việc luận chứng để xác định các định hướng, giải pháp phải dựa trên dữ liệu, số liệu tin cậy và phương pháp, mô hình phân tích, đánh giá, dự báo khoa học; ứng dụng công nghệ hiện đại trong thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu, số liệu nhằm bảo đảm tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của quy hoạch.

b) Yêu cầu đối với phương pháp lập quy hoạch

- Các phương pháp, công cụ được sử dụng nhằm cung cấp những căn cứ, luận chứng khoa học cho việc đánh giá thực trạng, đối sánh với quốc tế, dự báo bối cảnh, xác định mục tiêu, phương hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn;

- Các phương pháp, công cụ được áp dụng bảo đảm cơ sở lý luận và thực tiễn, đánh giá được các nhân tố phát triển trong mối quan hệ động và có so sánh, cập nhật và bảo đảm tính khách quan trong nghiên cứu;

- Phương pháp lập quy hoạch phải phù hợp với thực tế của Việt Nam, tôn trọng và bảo đảm tính thị trường của các hoạt động kinh tế - xã hội;

- Phương pháp lập quy hoạch bảo đảm cập nhật, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình và bối cảnh mới trong và ngoài nước; đồng thời phương pháp lập quy hoạch bảo đảm tính phản biện của cộng đồng;

- Các phương pháp lập hợp phần quy hoạch phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia ban hành. Hệ thống chỉ tiêu sử dụng trong quy hoạch cần mang tính tổng hợp, phản ánh được bản chất các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường, bảo đảm tính linh hoạt, đa dạng phù hợp với thực tế và bối cảnh của kinh tế thị trường;

- Các phương pháp lập quy hoạch liên quan đến vấn đề lượng hóa trong xử lý tổng hợp cần được xem xét trên nguyên tắc hiệu quả cho toàn bộ hệ thống.

- Các phương pháp lập quy hoạch phải căn cứ vào thực tiễn (tư liệu, số liệu tin cậy), phản ánh được yêu cầu thực tế của vùng. Những thông tin cần thiết cho việc lập quy hoạch phải phù hợp và tương thích với thông tin và chỉ tiêu kinh tế - xã hội hiện có;

- Thông tin phục vụ quy hoạch vùng phải được thu thập từ các nguồn thông tin chính thống do các cơ quan có chức năng cung cấp hoặc được cập nhật từ các nguồn thông tin đáng tin cậy.

c) Các phương pháp được sử dụng trong lập quy hoạch

- Phương pháp thống kê;

- Phương pháp tích hợp quy hoạch;

- Phương pháp chồng lớp bản đồ;

- Phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia và các phương pháp phân tích chuyên ngành cũng được sử dụng trong quá trình lập quy hoạch;

- Phương pháp mô hình hóa được sử dụng để tiến hành dự báo các chỉ tiêu chính phát triển kinh tế - xã hội;

- Phương pháp chuyên gia và tham vấn các bộ, ngành, các cộng đồng, doanh nghiệp, chính quyền địa phương (nếu cần thiết);

- Phương pháp lựa chọn ngành ưu tiên đầu tư, ưu tiên phát triển.

4. Nội dung chính của quy hoạch

Nội dung chính của quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm:

a) Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của vùng; đánh giá tổng hợp điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức; các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng.

b) Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển vùng các mặt kinh tế, xã hội và môi trường và tổ chức không gian lãnh thổ; xây dựng và lựa chọn kịch bản phát triển.

c) Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển vùng

- Quan điểm về phát triển vùng;

- Quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ vùng trong thời kỳ quy hoạch;

- Xây dựng mục tiêu tổng quát phát triển vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển vùng cho thời kỳ đến năm 2030 và cho từng giai đoạn 5 năm.

d) Xây dựng phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng.

đ) Xây dựng phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng.

e) Phương hướng xây dựng, tổ chức không gian.

g) Xây dựng phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng vùng.

h) Xây dựng phương hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng.

i) Xây dựng phương hướng khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông trên lãnh thổ vùng.

k) Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư; luận chứng danh mục dự án quan trọng của vùng, thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án.

l) Xác định các giải pháp và dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

5. Hợp phần quy hoạch và báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch:

- Hợp phần quy hoạch: Xây dựng 13 hợp phần quy hoạch để tích hợp vào quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo Phụ lục đính kèm).

- Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch vùng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về quy hoạch.

6. Thời hạn lập quy hoạch: Bảo đảm đúng tiến độ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

7. Yêu cầu về thành phần, số lượng, quy cách hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần hồ sơ quy hoạch

- Sản phẩm báo cáo quy hoạch:

+ Dự thảo văn bản trình thẩm định quy hoạch;

+ Dự thảo văn bản trình phê duyệt quy hoạch;

+ Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch;

+ Báo cáo thuyết minh tổng hợp kèm theo danh mục bản đồ khổ A3;

+ Báo cáo tóm tắt quy hoạch;

+ Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch;

+ Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý về quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý kèm theo;

+ Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;

+ Bản đồ quy hoạch, cơ sở dữ liệu về quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung được lưu trong đĩa CD phải bảo đảm theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch;

+ Các văn bản pháp lý, tài liệu liên quan.

- Sản phẩm báo cáo hợp phần quy hoạch:

+ Báo cáo thuyết minh tổng hợp kèm theo danh mục bản đồ khổ A3;

+ Báo cáo tóm tắt hợp phần quy hoạch;

+ Bản đồ và cơ sở dữ liệu các hợp phần quy hoạch;

+ Báo cáo thẩm định đối với hợp phần quy hoạch; bản sao ý kiến của các đơn vị, cá nhân có liên quan;

+ Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

- Danh mục bản đồ:

+ Hệ thống bản đồ theo quy định tại Mục VIII Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ;

+ Sản phẩm bản đồ có lưới chiếu sử dụng Hệ tọa độ VN-2000 theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Tỷ lệ bản đồ thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; kỹ thuật trình bày tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

+ Các sản phẩm bản đồ giao nộp phải được đóng gói, chuẩn hóa về định dạng GIS làm cơ sở để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

+ Đối với bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch của các hợp phần quy hoạch phải bảo đảm theo yêu cầu và mục đích của các nội dung được xác định tích hợp vào quy hoạch vùng.

b) Số lượng và quy cách hồ sơ quy hoạch

- Số lượng hồ sơ: Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về số lượng để xin ý kiến về quy hoạch, trình thẩm định, trình phê duyệt, công bố, lưu trữ hồ sơ quy hoạch theo quy định của pháp luật.

- Quy cách hồ sơ:

+ Các văn bản, báo cáo, bản đồ về quy hoạch bao gồm bản in màu và bản điện tử đáp ứng yêu cầu theo quy định về thành phần hồ sơ quy hoạch; kỹ thuật trình bày tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

+ Cơ sở dữ liệu về quy hoạch: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ, quy định pháp luật khác có liên quan; được đóng gói, chuẩn hóa bảo đảm tích hợp đồng bộ với hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

8. Chi phí lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về quy hoạch và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, Hội đồng quy hoạch quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Lập, tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm cả dự toán lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch vùng) theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch vùng theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ.

c) Xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu các hợp phần quy hoạch bảo đảm yêu cầu tích hợp vào quy hoạch vùng; triển khai lập quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung theo quy định của pháp luật về quy hoạch và nhiệm vụ lập quy hoạch vùng được phê duyệt, lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch vùng, đáp ứng tiến độ theo yêu cầu tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ.

d) Trình cấp có thẩm quyền thẩm định và trình phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

3. Các bộ được Thủ tướng Chính phủ giao tổ chức lập hợp phần quy hoạch tại Phụ lục kèm theo Quyết định này có trách nhiệm đề xuất Viện nghiên cứu thuộc bộ tham gia lập hợp phần quy hoạch, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp để xây dựng phương án lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo triển khai lập hợp phần quy hoạch; tổ chức thẩm định hợp phần quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp để tích hợp vào quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình lập Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; chủ động phối hợp, cập nhật thông tin của Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện quy hoạch tỉnh bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu từ ngày ký ban hành.

2. Hội đồng quy hoạch quốc gia; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

Phụ lục

HỢP PHẦN QUY HOẠCH TÍCH HỢP VÀO QUY HOẠCH VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 462 /QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên hợp phần	Cơ quan tổ chức lập hợp phần
1	Thực trạng và phương hướng tổ chức không gian phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và khu vực khuyến khích phát triển trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Thực trạng và phương hướng tổ chức không gian phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
3	Thực trạng và phương hướng phát triển kinh tế biển trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	Thực trạng và phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
5	Thực trạng và phương hướng khai thác, sử dụng tài nguyên nước các lưu vực sông trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
6	Thực trạng và phương hướng tổ chức không gian phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Giao thông vận tải
7	Thực trạng và phương hướng tổ chức không gian phát triển hệ thống du lịch, khu du lịch trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Thực trạng và phương hướng liên kết hạ tầng mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Công Thương

STT	Tên hợp phần	Cơ quan tổ chức lập hợp phần
9	Thực trạng và phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Thực trạng và phương hướng phát triển và tổ chức không gian hệ thống đê điều, kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
11	Thực trạng và phương hướng xây dựng, tổ chức không gian phát triển hệ thống đô thị, nông thôn trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng
12	Thực trạng và phương hướng cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; phương hướng tổ chức không gian các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	
13	Thực trạng và phương hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Thông tin và Truyền thông